TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2023
V/v: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Ông **Vũ Công Đạt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Đinh Quang Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt (đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Mai Thị Hồng Th

Địa chỉ: Thôn Q, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 01/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ anh em họ hàng nên vào ngày 29 tháng 01 năm 2019 bà Trần Thị L có cho bà Trần Thị M vay với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất hai bên thoả miệng với lãi suất 20%/năm và hẹn đến cuối năm 2019 bà Trần Thị M sẽ trả hết tiền nợ gốc và nợ lãi, nhưng đến hết năm 2019 bà Trần Thị M vẫn không chịu trả số tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà L, mặc dù bà L đã đến nhà bà M nhiều lần nhưng bà M vẫn khất lần, chây ì không chịu trả tiền nợ cho bà L. Lúc vay tiền chỉ một mình bà Trần Thị M đứng ra vay và ký vào giấy nhận nợ không liên quan đến ông Phan Quang A (chồng của bà M)

Đến ngày 08/11/2020 bà Trần Thị M có trả cho bà Trần Thị L được số tiền 10 triệu đồng và ngày 28/12/2021 âm lịch trả được 3 triệu đồng do con gái bà L là M Thị Hồng Th nhận dùm.

Nay bà Trần Thị L làm đơn khởi kiện này yêu cầu Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền nợ lãi theo quy định.

- Tại bản tự khai ngày 10/01/2023 bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Trước đó bà M đã trả một năm là 115.000.000 đồng, bà M trả nhưng không viết giấy biên nhận tiền. Sau đó chị L đưa sổ ra chị L nói không đưa đi nên bà M trả tiền mà không ghi vào sổ. Đến ngày 08/11/2020 bà Trần Thị M có trả cho bà L được số tiền 10 triệu đồng và trả được 3 triệu đồng đưa cho con gái bà L là Mai Thị Hồng Th nhận dùm. Bà Trần Thị L đã nhất trí cho bà M trả một năm trả tối thiểu 5 triệu đồng nên bà Trần Thị M không ra Toà nữa.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Trần Thị M, mặc dù bà Trần Thị M đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng bà Trần Thị M vẫn cố tình trốn tránh không đến tham gia phiên toà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Trần Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L khởi kiện bà Trần Thị M về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị M nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị M vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị L thấy rằng: Bà Trần Thị M có vay tiền của bà Trần Thị L là có thật, bởi lẽ căn cứ vào giấy vay tiền ngày 29/01/2019 thể hiện bà M có vay của bà L số tiền 70.000.000 đồng và căn cứ vào kết quả giám định chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị M trong giấy vay và mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Bà Trần Thị M khai nại rằng bà M đã trả trước đó bà M trả một năm 115 triệu đồng nhưng bà M không hợp tác, không đến Toà án làm việc và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc trả số tiền 115 triệu đồng cho bà L và mâu thuẫn với giấy trả tiền do bà M cung cấp. Ngoài ra, bà Trần Thị M cho rằng bà L khởi kiện bà M là không đúng, vì bà Trần Thị L đã nhất trí thoả thuận cho bà M một năm trả tối thiểu 5 triệu đồng như trong giấy tờ bà M cung cấp. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay bà M vẫn chưa thanh toán thêm cho bà L được khoản tiền nào nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả số tiền gốc 70 triệu đồng và nợ lãi theo quy định có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3]. Về khoản nợ lãi: Căn cứ vào giấy vay thì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, và không có thời hạn vay nên xác định Hợp đồng vay tài sản không có lãi, không có kỳ hạn. Do đó bên vay có thể đòi nợ bất cứ lúc nào, bên vay cũng có quyền trả nợ ất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau trước trong thời gian hợp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Ngày 08/11/2020, bà Trần Thị L đến yêu cầu bà M trả toàn bộ số nợ, bà M chỉ trả được 10 triệu đồng, do đó ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 08/11/2020. Dù vay không lãi nhưng bên vay (bà M) vẫn phải có nghĩa vụ trả cho bà L một khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm kể từ ngày 08/11/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Cụ thể tính như sau:

Tiền lãi chậm trả là 70.000.000 đồng x 10%/năm x 33 tháng 10 ngày = 19.444.000 đồng (lấy tròn).

Bà Trần Thị M đã trả được cho bà L hai lần tổng cộng là 13.000.000 đồng. Do đó cần buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 19.444.000 đồng – 13.000.000 đồng = 6.444.000 đồng

Như vậy, cần buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 76.444.000 đồng, trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng và nợ lãi là 6.444.000 đồng.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.200.000 đồng đã chi xong. Bà Trần Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 5.200.000 đồng đã nộp tạm ứng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Trần Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 76.444.000 đồng x 5% = 3.822.000 đồng (lấy tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L

1. Buộc bà Trần Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L tổng số tiền nợ là 76.444.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)* và nợ lãi 6.444.000 đồng *(Sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).*

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.200.000 đồng đã chi xong. Bà Trần Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 5.200.000 đồng (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị M phải chịu 3.822.000 đồng (*Ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020660, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bứk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Chinh